



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Lớp: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Quản trị rủi ro (208432-02)
CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11222003	PHẠM BÌNH	AN	30/03/93					
2	11222002	VƯƠNG THÀNH	AN	28/04/89					
3	11222004	TRẦN THỊ LAN	ANH	10/06/88	1	9	Chín	Thị Lan	
4	11223001	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	25/11/87	02	9	Chín	Hồng	
5	11223003	DƯƠNG THỊ	BÚNG	31/12/85	02	10	Mười	Dương Thị	
6	11222006	LÊ DIỄM	CHÂU	19/03/91	1	9	Chín	Diễm	
7	11222005	VÕ CHÍ	CÔNG	20/12/86	1	7	Bảy	Chi	
8	11222007	NGUYỄN THỊ HÀ	DIỄM	28/05/81					
9	11222008	LÊ LONG HƯƠNG	DIỆU	05/12/92	1	8	Tám	Long Hương	
10	11222009	NGUYỄN HOÀNG	DUY	23/07/85	1	8	Tám	Hoàng	
11	11222010	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN T	DUYÊN	12/08/82	1	7	Bảy	Đình Nguyễn T	
12	11222001	LÊ QUANG	ĐỨC	20/07/85					
13	11222014	MAI XUÂN	HẢI	02/07/88					
14	11222011	ĐÌNH THỊ	HẰNG	02/02/93	1	9	Chín	Đình Thị	
15	11222012	LÊ NGỌC	HÂN	09/05/89					
16	11223006	ĐẶNG HIẾU	HIỀN	20/11/89					
17	11223008	ĐÌNH THỊ	HOA	10/10/87	1	8	Tám	Đình Thị	
18	11223007	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	02/09/92	2	9	Chín	Nguyễn Văn	
19	11222015	ĐÀO THỊ	HỒNG	10/06/90					
20	11222018	NGUYỄN HỮU	HUY	20/11/87					
21	11223010	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	HUYỀN	11/08/93					
22	11222019	TRẦN THỊ BÍCH	HUYỀN	03/04/82					
23	11222017	NGUYỄN HỮU	HƯNG	20/05/83					
24	11222016	PHAN TẤN	HƯNG	15/02/87	1	8	Tám	Phan Tấn	
25	11222013	LÊ THỊ MAI	HƯƠNG	09/06/75	1	9	Chín	Thị Mai	
26	11223004	PHẠM THỊ	HƯƠNG	02/12/93	1	10	Mười	Phạm Thị	
27	11222021	PHẠM HOÀNG MINH	KHAI	22/06/83	2	9	Chín	Phạm Hoàng Minh	
28	11222020	NGUYỄN BÁ	KHÔI	22/09/89					
29	11222022	VÕ BÉ	KHUYÊN	08/05/85	2	9	Chín	Võ Bé	
30	11223012	TRƯƠNG THỊ CHÂU	LAN	06/02/88	1	9	Chín	Trương Thị Châu	
31	11223011	HỒ QUỐC	LÂM	10/06/86					
32	11222023	LÊ PHÚC	LÂM	26/08/83	2	9	Chín	Lê Phúc	
33	11222024	BÙI QUANG	LÂN	07/09/80	1	7	Bảy	Bùi Quang	

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp p: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học: Quản trị rủi ro (208432-02)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
34	11222026	PHAN THỊ	LIÊN	17/02/86	1	9	Chín	Phan	
35	11222028	TRƯƠNG THỊ	LIÊU	24/09/86	✓	✓	✓	✓	
36	11222027	LÊ VĂN	LINH	04/11/88	2	8	Tám	✓	
37	11222030	LÊ THỊ PHỤNG	LOAN	13/08/74	✓	✓	✓	✓	
38	11222029	TRẦN HOÀNG NGỌC	LOAN	01/12/89	✓	✓	✓	✓	
39	11222031	PHO PHI	LONG	18/01/79	1	8	Tám	Pho	
40	11222025	TRẦN XUÂN	LỘC	27/09/88	1	6	Sáu	Trần	
41	11222033	NGUYỄN VÕ KIM	NGÂN	17/09/82	✓	✓	✓	✓	
42	11223017	PHẠM THỊ HOÀI	NGHIÊM	15/12/82	1	9	Chín	Phạm	
43	11223015	HUỖNH THỊ	NGỌC	01/05/92	✓	✓	✓	✓	
44	11222032	NGUYỄN VĂN	NGÔ	02/09/87	✓	✓	✓	✓	
45	11222034	HÀ VĂN	NGUYỄN	07/02/76	1	10	Mười	Hà	
46	11222035	TRƯƠNG VĂN	NGUYỄN	01/01/92	✓	✓	✓	✓	
47	11223018	CAO THỊ	NHÂM	07/03/81	✓	✓	✓	✓	
48	11222036	TRƯƠNG THỊ THANH	NHIÊN	03/11/80	1	9	Chín	Trương	
49	11222037	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	01/11/89	1	8	Tám	Đặng	
50	11222038	ĐẶNG BÍCH	PHƯƠNG	26/12/88	2	10	Mười	Đặng	
51	11222040	LÊ DUY	PHƯƠNG	08/11/89	✓	✓	✓	✓	
52	11223020	NGUYỄN THỊ YẾN	PHƯƠNG	03/01/93	2	9	Chín	Nguyễn	
53	11222039	TRẦN THÀNH	PHƯƠNG	05/08/88	1	8	Tám	Trần	
54	11222041	TRẦN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	25/05/87	✓	✓	✓	✓	
55	11222061	ĐỖ KIM	PHƯƠNG	25/10/83	✓	✓	✓	✓	
56	11222042	NGUYỄN HỒNG	SƠN	08/11/76	✓	✓	✓	✓	
57	11222043	PHAN CHÍ	TÂM	10/05/84	1	8	Tám	Phan	
58	11222044	NGUYỄN VĂN	TÂY	24/11/85	✓	✓	✓	✓	
59	11223023	NGUYỄN THỊ THANH	TẾ	02/10/90	1	9	Chín	Nguyễn	
60	11222050	NGUYỄN TẤN	THANH	28/01/80	✓	✓	✓	✓	
61	11222046	DƯƠNG MINH	THÀNH	01/06/86	1	8	Tám	Dương	
62	11222045	ĐẶNG NGỌC	THÀNH	11/09/85	1	9	Chín	Đặng	
63	11222047	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	15/08/83	1	8	Tám	Nguyễn	
64	11222048	TRẦN CÔNG	THÀNH	08/10/76	1	8	Tám	Trần	
65	11222049	NGUYỄN THỊ	THẢO	25/08/89	1	9	Chín	Nguyễn	
66	11222051	NGUYỄN NGỌC	THIÊM	12/11/83	1	9	Chín	Nguyễn	
67	11223021	VÕ THỊ HỒNG	THƠ	1/92	✓	✓	✓	✓	
68	11222052	TRẦN NGỌC	THUẬN	25/06/87	✓	✓	✓	✓	

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Quản trị rủi ro (208432-02)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
69	11223022	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	22/12/93	1	8	Tám	Thuy	
70	11222055	TRẦN VĂN	TIẾN	23/05/86	1	7	Bảy	Tien	
71	11222056	HUỖNH PHAN ÁNH	TRANG	23/03/93	✓	✓	✓		✓
72	11223024	LƯU THỊ HUYỀN	TRÂN	12/02/83	1	8	Tám	Huyen	
73	11223025	PHAN THỊ HUYỀN	TRÂN	08/04/92	1	8	Tám		
74	11222058	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	21/04/90	✓	✓	✓		✓
75	11222057	PHẠM MINH	TRỌNG	19/08/80	✓	✓	✓		✓
76	11223026	ĐOÀN NHẬT	TRƯỜNG	24/11/93	1	8	Tám		
77	11223027	NGUYỄN VINH	TUẤN	15/02/92	✓	✓	✓		✓
78	11222053	PHAN VĂN	TUÔNG	02/08/82	✓	✓	✓		✓
79	11223030	ĐỖ THỊ THÚY	VÂN	16/04/89	2	9	Chín	Thuy	
80	11223031	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	04/11/86	2	10	Mười		
81	11222059	VŨ QUANG	VỸ	20/09/91	✓	✓	✓		✓
82	11222060	VĂN CÔNG	Ý	03/11/88	1	8	Tám		

In Ngày 31/10/14

Ngày 7 Tháng 2 Năm 2015

46 bài
57 tờ

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 31/10/14

TP.HCM, Ngày 31 tháng 10 năm 2014

Hồng Thị Quỳnh